|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH BẮC NINH  **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  Số: 179/KH-SGTVT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bắc Ninh, ngày 04 tháng 02 năm 2020* |

**KẾ HOẠCH**

**Xét tuyển viên chức năm 2020**

Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin và Công văn số 6821/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 30/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ;

Căn cứ Quyết định số 223/2013/QĐ-UBND ngày 21/06/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cán bộ, công chức cấp xã và công tác tổ chức, cán bộ ở các doanh nghiệp Nhà nước tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh;

Trên cơ sở biên chế được giao và nhu cầu tuyển dụng viên chức của các đơn vị trực thuộc, Sở Giao thông vận tải (GTVT) xây dựng Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2020, như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Tổ chức xét tuyển chặt chẽ, công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật.

2. Tuyển đúng cơ cấu, đúng đối tượng và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm trên cơ sở chỉ tiêu biên chế được giao.

3. Tuyển được đội ngũ viên chức đảm bảo các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

**II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG**

**1. Đối tượng, điều kiện và tiêu chuẩn được đăng ký dự tuyển**

Người có đủ các điều kiện sau đây, không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

a) Là công dân Việt Nam;

b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;

c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển ghi đầy đủ, rõ ràng, trung thực các thông tin cá nhân của người dự tuyển (theo mẫu quy định);

d) Có lý lịch rõ ràng; Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; Có đầy đủ văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với tiêu chuẩn tuyển dụng của vị trí việc làm cần tuyển;

e) Đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ;

f) Đáp ứng các yêu cầu khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

**2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển**

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

**3. Đối tượng theo chính sách thu hút:**

Thực hiện theo các Nghị định 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định của pháp luật hiện hành.

**III. SỐ LƯỢNG, CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG**

- Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng: 04 chỉ tiêu

- Tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng: *(chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo)*

**IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

**1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

Thí sinh đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu (đính kèm) Kế hoạch này và các giấy tờ có liên quan như sau:

a) Bản chụp (không cần công chứng, chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

Trường hợp thí sinh có văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp đề nghị cung cấp bản công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

b) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Có 03 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ của người dự tuyển.

**2. Lưu ý**

a) Chỉ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của thí sinh đã được cấp bằng tốt nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ;

b) Thí sinh có nhiều trình độ đào tạo thì chỉ lựa chọn một văn bằng đúng chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu để tham gia xét tuyển;

c) Quy đổi đối với trình độ ngoại ngữ.

Quy đổi tương đương hệ thống ngoại ngữ trước đây với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Trình độ A, A1 tương đương bậc 1 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;

- Trình độ B, A2 tương đương bậc 2 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;

- Trình độ C, B1 tương đương bậc 3 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;

- Trình độ B2 tương đương bậc 4 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;

- Trình độ C1 tương đương bậc 5 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;

- Trình độ C2 tương đương bậc 6 của Khung ngoại ngữ 6 bậc.

d) Quy đổi đối với trình độ tin học

Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C trước đây có giá trị sử dụng tương đương với trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

đ) Thí sinh trực tiếp đến nộp phiếu đăng ký dự tuyển và hồ sơ kèm theo tại Văn phòng Sở GTVT tỉnh Bắc Ninh *(Số 16, đường Nguyên Phi Ỷ Lan, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).*

e) Thí sinh trúng tuyển phải nộp bổ sung bản sao có công chứng hoặc chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm, giấy tờ xác định đối tượng ưu tiên (nếu có); đồng thời xuất trình bản chính để đối chiếu, kiểm tra;

f) Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển và bị thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, trên Trang thông tin điện tử của Sở GTVT tỉnh Bắc Ninh và không được tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo của Sở GTVT tỉnh Bắc Ninh.

g) Phiếu đăng ký dự tuyển và các giấy tờ kèm theo được đựng trong túi hồ sơ cỡ 24 x 33cm *(dán bìa theo mẫu đính kèm)*

**3. Chế độ ưu tiên:**

Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển viên chức: Thực hiện theo Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm tại vòng 2.

d) Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm tại vòng 2.

**V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN**

**1.** **Nội dung và hình thức xét tuyển**

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1.1. Vòng 1

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

1.2. Vòng 2

a) Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

Nội dung phỏng vấn phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

*(Có danh mục nội dung, tài liệu phỏng vấn kèm theo).*

b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian chuẩn bị và trả lời câu hỏi phỏng vấn không quá 30 phút/một thí sinh.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

1.3. Hội đồng xét tuyển không tổ chức ôn tập và cung cấp tài liệu phỏng vấn. Thí sinh tự sưu tầm tài liệu và ôn tập theo danh mục đã thông báo.

**2. Xác định người trúng tuyển**

2.1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm phỏng vấn đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Người trúng tuyển có số điểm phỏng vấn (vòng 2) cộng với điểm ưu tiên (nếu có) được quy định tại mục 3, phần IV của Kế hoạch này cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu của vị trí việc làm cần tuyển dụng (*theo từng mã số đăng ký dự tuyển*).

2.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

2.3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

**3. Tổ chức xét tuyển;** Tổ chức phỏng vấn; Tổng hợp, bàn giao kết quả phỏng vấn; **Giám sát kỳ xét tuyển; Giải quyết khiếu nại, tố cáo** vàl**ưu trữ tài liệu được thực hiện theo quy định tại Nội quy ban hành kèm theo** Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ.

**VI. CÁC BƯỚC TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Từ ngày 10/02/2020 đến ngày 11/3/2020**

- Thống nhất chỉ tiêu, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức cần tuyển.

- Xây dựng kế hoạch xét tuyển.

- Trình Sở Nội vụ thẩm định và phê duyệt kế hoạch xét tuyển.

- Thông báo công khai Kế hoạch tuyển dụng trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Bắc Ninh, cổng thông tin điện tử của Sở GTVT tỉnh Bắc Ninh; niêm yết công khai tại Sở GTVT tỉnh Bắc Ninh từ ngày 11/02/2020.

- Thời gian tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển và hồ sơ kèm theo trong giờ hành chính các ngày làm việc (trừ ngày thứ 7, chủ nhật, nghỉ lễ, tết theo quy định), kể từ ngày 11/02/2020 đến ngày 11/3/2020.

Hạn cuối cùng để nhận phiếu đăng ký dự tuyển là 16 giờ 30’ ngày 11/3/2020.

Lưu ý: Thí sinh phải đến trực tiếp nộp phiếu đăng ký dự tuyển.

- Địa điểm tiếp nhận: Tại Cơ quan Văn phòng Sở GTVT. *(Số 16, đường Nguyên Phi Ỷ Lan, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).*

- Giám đốc Sở quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển, Ban giám sát kỳ xét tuyển. Hội đồng xét tuyển quyết định thành lập Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển, Ban kiểm tra sát hạch và các bộ phận giúp việc khác. Phân công nhiệm vụ các thành viên của Hội đồng và các Ban, bộ phận giúp việc.

**2. Từ ngày 12/3/2020 đến ngày 05/4/2020**

- Tổ chức xét tuyển vòng 1, gồm:

+ Kiểm tra phiếu dự tuyển và lập danh sách thí sinh đăng ký dự tuyển.

+ Hội đồng xét tuyển phối hợp với Ban Giám sát của tỉnh (Sở Nội vụ) thẩm định, kiểm tra kết quả kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển.

+ Hội đồng xét tuyển niêm yết danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển, thí sinh không đủ điều kiện xét tuyển tại Sở GTVT, công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở GTVT tỉnh Bắc Ninh và tiếp nhận ý kiến phản hồi của thí sinh.

+ Gửi thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự tuyển dự phỏng vấn (vòng 2) chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển ở vòng 1.

- Tổ chức xét tuyển vòng 2: Phỏng vấn về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của thí sinh (Dự kiến ngày 02/4/2020).

**3. Từ ngày 06/4/2020 đến ngày 29/4/2020**

- Hội đồng họp tổng hợp kết quả vòng 2, công bố công khai kết quả vòng 2 và danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở làm việc Sở GTVT tỉnh Bắc Ninh.

- Gửi thông báo kết quả xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

- Người dự tuyển xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng để kiểm tra, đối chiếu, hoàn thiện hồ sơ dự tuyển theo quy định.

- Đề nghị Sở Nội vụ phê duyệt kết quả tuyển dụng.

- Gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

- Giám đốc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tuyển dụng viên chức và hướng dẫn Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng làm việc với viên chức theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2020 của Sở GTVT tỉnh Bắc Ninh; trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh trực tiếp về Thường trực của Hội đồng xét tuyển *(VP Sở GTVT tỉnh Bắc Ninh – Số điện thoại 0222.822.416; 0913.975.158* để tổng hợp báo cáo Giảm đốc Sở và Hội đồng tuyển dụng viên chức xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Sở Nội vụ (để phê duyệt);  - GĐ Sở, các PGĐ Sở;  - Phòng, đơn vị thuộc có liên quan;  - Niêm yết tại trụ sở Sở GTVT;  - Cổng TTĐT Sở;  - Lưu: VT, TCHC. | **GIÁM ĐỐC**  **Lê Ngọc Tuyển** |

**CHỈ TIÊU, ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**

***Phụ lục số 01***

**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH BẮC NINH NĂM 2020**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 179/KH-SGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Sở Giao thông vận tải)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số lượng tuyển dụng** | **Tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng theo vị trí việc làm** | | | | | | **Mã dự tuyển** |
| **Vị trí việc làm cần tuyển** | **Chức danh nghề nghiệp viên chức cần tuyển** | **Trình độ chuyên môn** | | **Trình độ ngoại ngữ** | **Trình độ tin học** |
| *Trình độ* | *Ngành, chuyên ngành*  *đào tạo* |
| **I** | **Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh** | | | | | | | |
| 1 | 01 | Thu thập, cập nhật, tổng hợp lưu trữ số liệu; Tổng hợp báo cáo; Công tác Hành chính quản trị | Chuyên viên | Tốt nghiệp  Đại học trở lên | Quản trị nhân lực | Bậc 2 (B, A2) | Chuẩn CNTT cơ bản | GT01 |
| 2 | 02 | Vận hành thiết bị kiểm tra tải trọng xe, thu thập, phân tích, đánh giá tác động của tải trọng xe, khổ giới hạn xe đến an toàn cầu đường bộ | Kỹ sư | Tốt nghiệp  Đại học trở lên | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật công trình xây dựng | Bậc 2 (B, A2) | Chuẩn CNTT cơ bản | GT02 |
| 3 | 01 | Kiểm tra, chuyển kết quả kiểm tra đến cơ quan chức năng xử lý vi phạm đối với xe quá khổ, quá tải | Chuyên viên | Tốt nghiệp  Đại học trở lên | Luật | Bậc 2 (B, A2) | Chuẩn CNTT cơ bản | GT03 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ** |  | **GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI** |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…………………, ngày …… tháng …... năm ………….*

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

|  |  |
| --- | --- |
| *(Dán ảnh 4 x 6)* | **Vị trí dự tuyển**(1):................................................................  **Mã dự tuyển:**......................................................................  **Đơn vị dự tuyển** (2):.............................................................  …………............................................................................ |

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

|  |
| --- |
| Họ và tên: …………………………….Ngày sinh ………………Nam □ Nữ □  Dân tộc: …………………Tôn giáo: ....................................................................  Số CMTND: ………….. Ngày cấp: ……………….Nơi cấp: ............................  Điện thoại liên hệ để báo tin: ……………………..Email: .................................. |
| Quê quán: .............................................................................................................. |
| Hộ khẩu thường trú: .............................................................................................. |
| Chỗ ở hiện nay (để báo tin): ................................................................................. |
| Tình trạng sức khỏe: ………….., Chiều cao …………, Cân nặng: .............. kg |
| Thành phần bản thân hiện nay: ............................................................................. |
| Trình độ văn hóa: .................................................................................................. |
| Trình độ chuyên môn: …………………..Loại hình đào tạo: ................................. |

**II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ** | **Tên trường, cơ sở đào tạo cấp** | **Trình độ văn bằng, chứng chỉ** | **Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ** | **Ngành đào tạo** | **Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)** | **Hình thức đào tạo(3)** | **Xếp loại bằng, chứng chỉ** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |  |

**III. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH**

1. Bố mẹ:

- Họ và tên bố: …………..Tuổi: …..…Nghề nghiệp:....................................

Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu?

.......................................................................................................................

.......................................................................................................................

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu?

.......................................................................................................................

.......................................................................................................................

Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu? (Ghi rõ tên cơ quan, đơn vị hiện nay đang làm (nếu có)

.......................................................................................................................

- Họ và tên mẹ: ………..…….Tuổi:……… Nghề nghiệp: ............................

Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu?

.......................................................................................................................

.......................................................................................................................

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu?

.......................................................................................................................

.......................................................................................................................

Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu? (Ghi rõ tên cơ quan, đơn vị hiện nay đang làm (nếu có)

.......................................................................................................................

.......................................................................................................................

2. Anh, chị, em ruột:

- Họ và tên: ………………………..……………Tuổi:................................

- Nghề nghiệp:...............................................................................................

- Nơi làm việc: ..............................................................................................

- Chỗ ở hiện nay: ..........................................................................................

3. Vợ hoặc chồng:

- Họ và tên: …………………………………………Tuổi:.........................

- Nghề nghiệp: ..............................................................................................

- Nơi làm việc: ..............................................................................................

- Chỗ ở hiện nay: ..........................................................................................

4. Các con:

- Họ và tên: …………………………………………Tuổi:..........................

- Nghề nghiệp: ..............................................................................................

- Nơi làm việc: ..............................................................................................

- Chỗ ở hiện nay: ..........................................................................................

**IV. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)**

*………………………………………………………………………………………………….*

*………………………………………………………………………………………………….*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI VIẾT PHIẾU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Ghi chú:**

(1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

(2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thông báo tuyển dụng.

(3) Người viết phiếu tích dấu x vào ô Nam, Nữ

**DANH MỤC**

**Các văn bản kiểm tra phỏng vấn thí sinh về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển viên chức năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 179/KH-SGTVT ngày 04/02/2020 của Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh)*

**1. Kiến thức chung**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

- Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 8 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định 41/2012/NĐ-CP ngày 8 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

- Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Nội vụ Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

- Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án văn hóa công vụ.

**2. Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành**

***2.1. Vị trí dự tuyển thu thập, cập nhật, tổng hợp lưu trữ số liệu; Tổng hợp báo cáo; Công tác Hành chính quản trị***

2.1.1. Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

2.1.2. Thông tư 44/2019/TT-BGTVT ngày 07/11/2019 **của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải** **Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước;**

2.1.3. Thông tư số 10/2012/TT-BGTVT ngày 12/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe;

2.1.4. Quyết định số 2919/QĐ-BGTVT ngày 24/9/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động của Trạm cân kiểm tra tải trọng xe lưu động;

2.1.5. Quyết định số 2831/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2018 của Bộ Giao thông vận tải ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải;

2.1.6. Quyết định số 223/2013/QĐ-UBND ngày 21/06/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cán bộ, công chức cấp xã và công tác tổ chức, cán bộ ở các doanh nghiệp Nhà nước tỉnh Bắc Ninh;

2.1.7. Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh;

***2.2. Vị trí dự tuyển vận hành thiết bị kiểm tra tải trọng xe, thu thập, phân tích, đánh giá tác động của tải trọng xe, khổ giới hạn xe đến an toàn cầu đường bộ***

2.2.1. Luật xây dựng số 50/2014/QH13 quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư xây dựng;

2.2.2. Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 quy định việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quản lý nhà nước về đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công;

2.2.3. Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

2.2.4. Thông tư 04/2019/TT-BGTVT ngày 23/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

2.2.5. Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

2.2.6. Thông tư số 10/2012/TT-BGTVT ngày 12/4/2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe;

2.2.7. Quyết định số 2919/QĐ-BGTVT ngày 24/9/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động của Trạm cân kiểm tra tải trọng xe lưu động;

2.2.8. Thông tư số 06/2017/TT-BGTVT ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định quy trình sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và sử dụng kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

***2.3. Vị trí dự tuyển kiểm tra, chuyển kết quả kiểm tra đến cơ quan chức năng xử lý vi phạm đối với xe quá khổ, quá tải***

2.3.1. Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 12/11/2018 Quy định về quy tắc giao thông đường bộ; kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phương tiện và người tham gia giao thông đường bộ; vận tải đường bộ và quản lý nhà nước về giao thông đường bộ.

2.3.2. Luật thanh tra số 56**/**2010/QH12 Quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân;

2.3.3. Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt

2.3.4. Thông tư số 10/2012/TT-BGTVT ngày 12/4/2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe;

2.3.5. Quyết định số 2919/QĐ-BGTVT ngày 24/9/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động của Trạm cân kiểm tra tải trọng xe lưu động;

2.3.6. Thông tư số 06/2017/TT-BGTVT ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định quy trình sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và sử dụng kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.